TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 183/2020/QĐST-HNGĐ	*Mỹ Đức, ngày 19 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 181/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1981.
- *Bị đơn*: Anh **Trần Tuấn N**, sinh năm 1978.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 9, T, thị trấn Đ, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Anh chị Lê Thị T và anh Trần Tuấn N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 11 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận giữa chị Lê Thị T và anh Trần Tuấn N cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Trần Tuấn N thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh, chị trình bày có hai con chung: Trần Hồng N, sinh ngày 05/9/2006 và Trần Lê Vân K, sinh ngày 26/12/2012. Anh, chị thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu Khánh cho chị T, giao cháu Ngọc cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị T, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

1.*3. Về tài sản chung, nợ chung:* Anh, chị trình bày không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

1.4.Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị T tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, chị T được hoàn trả lại 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0002879 ngày 11/8/2020 tại Cơ quan thi hành án huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Đức;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;*
- *UBND xã thực hiện việc đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Lê Anh Tuấn